

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 704 /UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 1 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Đề án "Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020"

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố.

Theo Công văn số 2917/SYT-NVY ngày 25/12/2017 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý dự thảo Đề án "Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020" (Có văn bản kèm theo), Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế thành phố và các đơn vị liên quan tham gia góp ý dự thảo Đề án "Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020". Hoàn thành trước ngày 10/01/2018.

Yêu cầu Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện tốt nội dung công văn này./.

Nơi nhận: *ch*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng: Y tế, LĐTĐBXH, TCKH, VHTT TP;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT, h.



UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2947/SYT-NVY

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 12 năm 2017

V/v góp ý dự thảo Đề án
"Thực hiện Chương trình Sửa
học đường cải thiện tình trạng
dinh dưỡng góp phần nâng cao
tâm vóc trẻ em mẫu giáo và
tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến
năm 2020"

Kính gửi:

- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Ngoại vụ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh;
- Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

UBND VÀ UBND TP. QUẢNG NGÃI

Số:	6196
Ngày:	26/12/2017
Chuyến:	

Chức
Chuyến đi
28/12 Ch

Thực hiện Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc xây dựng chương trình sửa học đường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án "Thực hiện Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020" trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

Ngày 24/11/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kết luận số 535-KL/TU về Đề án "Thực hiện Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020"; Thực hiện ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7554/UBND-VX ngày 06/12/2017, Sở Y tế đã chỉnh sửa lại Đề án "Thực hiện Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020" (đính kèm).

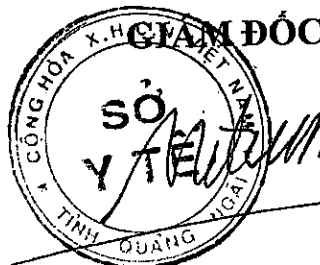
Để hoàn chỉnh Đề án, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua, Sở Y tế kính đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thành phố cho ý kiến góp ý dự thảo đề án nêu trên. Kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức lấy ý kiến góp ý của giáo viên, phụ huynh cấp tiểu học, mầm non trên địa bàn tỉnh và tổng hợp ý kiến góp ý gửi Sở Y tế.

Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Y tế đồng thời gửi bản mềm (file Word) qua địa chỉ e-mail: tuansy.ytqn@gmail.com trước ngày 10/01/2018 để tổng hợp và hoàn chỉnh dự thảo.

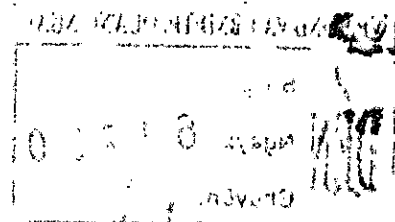
Sở Y tế rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGD Sở Y tế;
- VP Sở;
- Lưu: VT, NVY.



Nguyễn Tấn Đức





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2018/QĐ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Đề án “Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ - KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;

Căn cứ Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5450/QĐ-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ Y tế về việc quy định tạm thời đối với sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày .../ /2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị Quyết phê duyệt Đề án “Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Đề án “Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”.

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; hằng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Khóa ..., Kỳ họp thứ... thông qua ngày tháng năm 201..., và có hiệu lực ngày tháng.... năm 201...

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy ;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và ĐBQH bầu ở tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH; VP HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PTTH tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.....

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Thực hiện Chương trình Sửa học đường
cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em
mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày / /2018 của
HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Phần thứ Nhất

**THỰC TRẠNG VỀ HỌC SINH VÀ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG
CỦA HỌC SINH MẪU GIÁO, TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I. Thực trạng về học sinh, tình trạng dinh dưỡng của học sinh mẫu
giáo, tiểu học trên địa bàn tỉnh**

1. Thực trạng về số lượng học sinh:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có tổng số 446 trường, trong đó:

- 209 trường mẫu giáo với 1.644 lớp (bao gồm cả trường công lập và trường ngoài công lập đã được cấp giấy phép hoạt động);
- 237 trường tiểu học công lập với 810 lớp; tỉnh không có tiểu học ngoài công lập.

Tổng số học sinh đến lớp:

- Trẻ mẫu giáo: 54.942, trong đó:
 - + Trẻ dưới 60 tháng tuổi: 5.217;
 - + Trẻ từ 60-72 tháng: 49.725.
- Trẻ tiểu học: 97.395 học sinh, trong đó:
 - + Khối lớp 1: 16.730 học sinh;
 - + Khối lớp 2: 21.613 học sinh;
 - + Khối lớp 3: 20.113 học sinh;
 - + Khối lớp 4: 19.411 học sinh;
 - + Khối lớp 5: 19.528 học sinh.

2. Tình trạng dinh dưỡng của học sinh năm học 2015-2016:

a) Trẻ mẫu giáo:

- Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân:
 - + Trẻ nhà trẻ: 146/5.217 trẻ đến lớp chiếm tỷ lệ: 2,8%;
 - + Trẻ mẫu giáo: 2.152/49.725 trẻ đến lớp, chiếm tỷ lệ: 4,3%;
- Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi:
 - + Trẻ nhà trẻ: 146/5.217 trẻ đến lớp đạt tỷ lệ: 2,7%;
 - + Trẻ mẫu giáo: 2.978/49.725 trẻ đến lớp đạt tỷ lệ: 6,0%.

b) Học sinh tiểu học:

Theo số liệu thống kê của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi, năm học 2015 - 2016 tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em trong độ tuổi từ lớp 1 đến lớp 3 là 18.035/58.456 trẻ, chiếm tỉ lệ 30%.

Trẻ tiểu học là người dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa có tốc độ phát triển thể lực chưa tương xứng với độ tuổi; nguyên nhân do chế độ ăn không đầy đủ các chất dinh dưỡng, chất lượng các bữa ăn kém, vì điều kiện khách quan nên việc chăm sóc của gia đình chưa được quan tâm.

3. Đánh giá chung:

- Kết quả thực hiện Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, giai đoạn 2011 - 2015 trên toàn tỉnh do Viện Dinh Dưỡng công bố như sau:

Năm	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD thể nhẹ cân (CN/Tuổi) %	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD thể thấp còi (CC/Tuổi) %
2011	18,1	27,9
2012	17,2	27,1
2013	15,9	25,5
2014	15,7	24,9
2015	15,4	24,8

Năm 2015 trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn cao với 24,8%, nghĩa là cứ 05 trẻ thì có 01 trẻ bị thấp còi.

- Phát triển giáo dục mẫu giáo và tiểu học trong thời gian gần đây đã được chú trọng hơn trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước nhưng việc bố trí nguồn vốn riêng để thực hiện còn nhiều hạn chế. Cụ thể một số cơ sở giáo dục mẫu giáo ở khu vực miền núi vẫn học 01 buổi; nhiều cơ sở phải học nhờ, học tạm và tình trạng thiếu giáo viên dẫn đến việc tổ chức cho trẻ học bán trú tại trường gặp nhiều khó khăn. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp khiến cho chất lượng chăm sóc, giáo dục, bảo vệ sức khỏe trẻ hạn chế.

- Công tác truyền thông về dinh dưỡng chưa phổ biến đến tận hộ gia đình; sự phối hợp chưa chặt chẽ và thường xuyên giữa gia đình và nhà trường trong

việc chăm lo bữa ăn của trẻ đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng; các kiến thức về dinh dưỡng, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho trẻ của các hộ gia đình khu vực miền núi còn nhiều hạn chế.

- Công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ ở các đơn vị có điều kiện tổ chức bán trú gặp nhiều khó khăn do tiền ăn quá thấp so với giá thành thực phẩm luôn biến động hiện nay (300.000 đồng - 450.000 đồng/tháng). Đối với 06 huyện miền núi, tại nhiều điểm trường mẫu giáo tiền ăn của trẻ chỉ gói gọn trong số tiền nhà nước hỗ trợ (120.000 đồng/tháng), do đó chưa thực sự đảm bảo chất lượng dinh dưỡng.

Phần thứ Hai

SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH, CƠ SỞ XÂY DỰNG CỦA ĐỀ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Sự cần thiết của việc triển khai thực hiện Chương trình

Theo các công trình nghiên cứu khoa học về tâm, sinh lý và xã hội học đều khẳng định giai đoạn tuổi học đường là giai đoạn có tính chất quyết định để tạo nên thể lực, nhân cách, năng lực trí tuệ trong tương lai và đây cũng là giai đoạn não bộ phát triển hoàn thiện nhanh nhất làm nền tảng cho trí thông minh sau này của trẻ.

Nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ ở mỗi giai đoạn là khác nhau, vì vậy thức ăn dành cho trẻ cũng phải phù hợp theo từng giai đoạn để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng và phát triển một cách toàn diện. Trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học ngoài chế độ ăn đa dạng các chất như: chất đạm, chất béo, bột đường, vitamin và khoáng chất... thì việc bổ sung thêm sữa mỗi ngày là rất cần thiết, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển chiều cao của trẻ.

Sữa là nguồn cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, canxi và vitamin D cho lứa tuổi mẫu giáo và tiểu học; giúp trẻ tăng sức đề kháng, tăng chiều cao, phát triển não bộ đặt nền tảng cho việc học tập của trẻ ở các cấp học tiếp theo.

Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý là yếu tố quan trọng nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tâm vóc, thể chất, trí tuệ của người Việt Nam và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thực hiện Đề án “Sữa học đường” giúp cải thiện chế độ dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em; nâng cao thể lực, tâm vóc trẻ em và thanh thiếu niên, hướng tới cải thiện chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai. Khi tình trạng dinh dưỡng của trẻ em được nâng cao sẽ giảm gánh nặng về chi phí y tế và chi phí xã hội bởi các bệnh phát sinh do suy dinh dưỡng, gắn kết học sinh với nhà trường...

Vì vậy, việc thực hiện chương trình “Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020” chính là thực hiện Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, là bước cụ thể hoá việc thực hiện chiến lược và mục tiêu Quốc gia về dinh dưỡng trẻ em.

II. Các cơ sở xây dựng Đề án thực hiện Chương trình sữa học đường

1. Căn cứ xây dựng Đề án:

- Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/2/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030;

- Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020

- Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

- Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học;

- Quyết định số 5450/QĐ-BYT ngày 28/9/2016 của Bộ Y tế về việc quy định tạm thời đối với sản phẩm sữa tươi phục vụ Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020;

- Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 18/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 20-CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em từ nay đến năm 2020;

- Kết luận số 535-KL/TU ngày 24/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án “thực hiện Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”

2. Căn cứ thực tiễn:

- Thực trạng về học sinh và tình hình dinh dưỡng của học sinh mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn tỉnh;

- Đời sống kinh tế xã hội của người dân ở các vùng miền trên địa bàn tỉnh;

- Nhu cầu thực tiễn về chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng của trẻ em ngày càng cao và đa dạng trong giai đoạn hiện nay.

- Kết quả khảo sát ý kiến của phụ huynh tại các huyện, thành phố và đơn vị cam kết cung ứng sữa

Phần thứ Ba

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. Tên, phạm vi của Đề án

1. Tên Đề án: “Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020”.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

- **Cơ quan thực hiện:** UBND các huyện, thành phố.

- **Cơ quan phối hợp thực hiện:** Sở Y tế; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2018-2020.

2. Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn 14 huyện/thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối tượng thụ hưởng: Học sinh các trường mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn tỉnh.

II. Mục tiêu đề án

1. Mục tiêu chung:

Bổ sung dinh dưỡng và các vi chất cần thiết góp phần phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em ở lứa tuổi mẫu giáo và tiểu học, thông qua đó cải thiện tầm vóc thế hệ tương lai của thanh thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Đạt tỷ lệ 100% trẻ trong các cơ sở giáo dục mẫu giáo và tiểu học (bao gồm cả các trường trong và ngoài công lập) được uống sữa 3 lần/tuần, mỗi lần 180ml hoặc 110ml và thời gian thực hiện 9 tháng trong năm học.

- Góp phần làm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 11,5%; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 21,3% vào năm 2020.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, cộng tác viên được tham gia các lớp tập huấn triển khai chương trình, có kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng, bảo vệ sức khỏe cho trẻ trong trường học.

- 95% phụ huynh được bồi dưỡng, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng thực hành đúng về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ, các vấn đề liên quan ảnh hưởng đến dinh dưỡng như tiêm chủng, nước sạch, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe, giáo dục trẻ em tại gia đình.

- Không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trong các trường học.

- 100% trẻ học ở các trường mẫu giáo, 100% học sinh bậc tiểu học tham gia Chương trình được theo dõi tình trạng dinh dưỡng và được cải thiện cân nặng, chiều cao.

- 100% các trường thực hiện tốt công tác quản lý và tổ chức cho trẻ uống sữa tại trường.

III. Đối tượng, thời gian và phương thức triển khai thực hiện

1. Đối tượng áp dụng:

	Đối tượng	Dự kiến tổng số trẻ được uống sữa			
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Trẻ mẫu giáo*	31.227	31.492	31.760	94.479
2	Trẻ tiểu học **	97.395	98.223	99.058	294.676

(* *Đối tượng trẻ từ 36 đến 72 tháng tuổi tại các trường mầm non, mẫu giáo công lập và ngoài công lập (đã được cấp phép hoạt động) của 14 huyện, thành phố.*

(** *Đối tượng học sinh tiểu học của 14 huyện, thành phố.*

Các đối tượng trên đang học trong các trường mẫu giáo và tiểu học công lập, ngoài công lập (đã được cấp phép) trong toàn tỉnh.

2. Thời gian thụ hưởng là 03 năm: 2018 - 2020

a) Trẻ được uống sữa trong thời gian học tại trường; Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2017 - 2018 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Đối với cấp mầm non và cấp tiểu học, có ít nhất 35 tuần thực học (học kỳ I có ít nhất 18 tuần, học kỳ II có ít nhất 17 tuần).

b) Định mức:

+ Đối với trẻ tiểu học: mỗi trẻ được uống 03 lần/tuần, mỗi lần uống 180ml/hộp (105 suất sữa/trẻ/năm, 7.000 đồng/suất).

+ Đối với trẻ mẫu giáo: mỗi trẻ được uống 03 lần/tuần, mỗi lần uống 110ml/hộp (105 suất sữa/trẻ/năm, 5.000 đồng/suất).

3. Lộ trình thực hiện:

- Triển khai thí điểm: mỗi huyện, thành phố chọn 02 - 06 điểm trường (gồm các trường mẫu giáo và trường tiểu học, cụ thể theo Phụ lục số 5) để triển khai thực hiện thí điểm. Thời gian thực hiện thí điểm: từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018.

- Triển khai nhân rộng chương trình: sau khi đánh giá rút kinh nghiệm, thực hiện triển khai chương trình trên địa bàn toàn tỉnh, thời gian thực hiện từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020.

- Tổng kết đánh giá kết thúc Đề án trong Quý I/2021 để nghiên cứu khả năng tiếp tục duy trì đề án.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Công tác tổ chức chỉ đạo:

a) Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học (BCĐ) các cấp:

- Ban chỉ đạo cấp tỉnh:

+ Trưởng ban chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Phó trưởng ban trực: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Phó trưởng ban: Giám đốc Sở Y tế.

+ Các ủy viên BCĐ cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học, Trưởng phòng Giáo dục Mầm non (Sở Giáo dục và Đào tạo); Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, Giám đốc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Giám đốc Trung tâm Truyền thông – Giáo dục sức khỏe; đại diện các sở, ban ngành, đoàn thể: Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh...

- Ban chỉ đạo cấp huyện:

+ Trưởng ban chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

+ Phó trưởng ban trực: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố.

+ Phó trưởng ban: Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, thành phố.

+ Các ủy viên gồm: đại diện các phòng, ban, đoàn thể thuộc huyện: Kế hoạch - Tài chính, Văn hóa - Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Đài Truyền Thanh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ...

- Ban chỉ đạo cấp xã:

+ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch xã/phường/thị trấn làm Trưởng ban.

+ Hiệu trưởng trường tiểu học/Hiệu trưởng trường mầm non làm Phó ban trực.

+ Trưởng Trạm Y tế làm Phó ban.

+ Các ủy viên gồm: giáo viên tổng phụ trách Đội trường tiểu học/cán bộ y tế trường tiểu học/mầm non; đại diện các ban, ngành, đoàn thể, Trưởng các thôn, tổ, đội.

b) Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo:

- Tham mưu UBND các cấp chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình Sữa học đường theo kế hoạch của UBND tỉnh đạt hiệu quả; Phân công nhiệm vụ thành viên chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo triển khai chương trình tại các địa phương;

- Phó trưởng Ban trực của Ban chỉ đạo cấp tỉnh tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ giúp việc hỗ trợ công tác triển khai thực hiện Chương trình, thành lập Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi nhằm huy động nguồn lực xã hội của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi kết thúc giai đoạn thực hiện thí điểm Chương trình tại các địa phương; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình đồng bộ tại 100% số trường, lớp trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả chương trình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chính phủ.

2. Lựa chọn nguồn sữa thích hợp:

Sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Được chế biến từ sữa tươi nguyên liệu là sữa tươi sạch lấy từ các trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung, thành phần có đường hoặc không đường, được bổ sung vi chất dinh dưỡng với hàm lượng như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng
1	Vitamin A	IU/100ml	190 – 220
2	Vitamin D	IU/100ml	55 – 70
3	Sắt	mg/100ml	1,4 - 1,8
4	Canxi	mg/100ml	110 – 145
5	Kẽm	mg/100ml	1,1 - 1,4

- Được sản xuất theo QCVN 5-1:2010/BYT;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

- Có ghi nhãn đối với sữa cho Chương trình Sữa học đường (“Sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường”) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn; Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng và các quy định khác có liên quan.

- Có nghiên cứu lâm sàng về Sữa học đường, có kết quả đối chứng về hiệu quả sử dụng sản phẩm sữa học đường trên học sinh mẫu giáo và tiểu học; sản phẩm đã được Bộ Y tế xác nhận hiệu quả trong nghiên cứu cải thiện tình trạng dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng của trẻ em.

3. Khảo sát thực trạng dinh dưỡng học sinh mẫu giáo và tiểu học phục vụ đánh giá hiệu quả Chương trình:

- Tất cả trẻ em tại các trường mẫu giáo và tiểu học được khảo sát thể lực thông qua đo chiều cao và cân nặng, kết quả được lưu và đối chiếu, so sánh với lần sau nhằm đánh giá hiệu quả của sữa học đường cho từng độ tuổi.

- Nhân viên y tế trường học phối hợp với các giáo viên để thực hiện việc đo thể lực học sinh một cách nghiêm túc và đảm bảo tính chính xác. Các trường chưa có nhân viên y tế trường học thì giáo viên dạy giáo dục thể chất thực hiện. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm giám sát và hướng dẫn quy trình thực hiện.

- Kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo cho Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế và Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố để tổng hợp, đánh giá.

4. Công tác truyền thông và tập huấn:

a) Công tác truyền thông, vận động:

Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức các cấp ủy Đảng, chính quyền, giáo viên, phụ huynh và học sinh về tầm quan trọng của Sữa học đường trong việc phòng, chống suy dinh dưỡng, cải thiện tâm vóc, phát triển trí tuệ thế hệ tương lai của thanh thiếu niên Quảng Ngãi; tuyên truyền, vận động các nhà tài trợ, phụ huynh học sinh tham gia đóng góp kinh phí cho việc triển khai Chương trình bằng hình thức phù hợp:

- Các nhà trường lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm. Thông qua cuộc họp, vận động phụ huynh tự nguyện đăng ký và ký cam kết tham gia Chương trình.

- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng và đưa tin, bài, phóng sự về tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi của trẻ em Quảng Ngãi, đặc biệt là tại các

vùng khó khăn; ý nghĩa của việc triển khai Chương trình Sữa học đường trong các trường mẫu giáo, tiểu học:

+ Phát Video tuyên truyền thông điệp về Sữa học đường trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi vào giờ vàng (trước thời sự Quảng Ngãi lúc 19h45).

+ Xây dựng và phát tin, phóng sự tuyên truyền về Sữa học đường trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi.

- Báo Quảng Ngãi, các Báo có văn phòng đại diện và địa chỉ thường trú tại địa bàn thực hiện các bài viết tuyên truyền về các nội dung liên quan đến Sữa học đường.

- Chính quyền địa phương tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ của phụ huynh và học sinh khi tham gia Chương trình Sữa học đường trên tất cả các hệ thống phát thanh phường, xã.

- Xây dựng các cụm Pano tuyên truyền về Sữa học đường tại 14 huyện, thành phố; xây dựng biển, bảng truyền thông về chương trình ở 2 đầu cửa ngõ vào thành phố Quảng Ngãi.

- In và phát tờ rơi về Sữa học đường tới tận tay phụ huynh học sinh.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Sữa học đường thu hút phụ huynh và học sinh tham gia tại 14 huyện, thành phố.

b) Công tác tập huấn, nâng cao năng lực:

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình; nâng cao kỹ năng truyền thông, vận động; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Sữa học đường cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ y tế phụ trách triển khai Chương trình tại các trường mẫu giáo, tiểu học.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên tại các trường mẫu giáo và tiểu học về các nội dung liên quan đến Sữa học đường.

c) Kinh phí thực hiện hoạt động truyền thông và tập huấn do đơn vị cung ứng sữa chi trả (Chi tiết tại Phụ lục 6)

5. Vận chuyển và bảo quản Sữa học đường

- Vận chuyển sữa bằng các phương tiện chuyên dụng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo định kỳ 2 tuần/lần. Đối với vùng thành thị và đồng bằng, sữa được vận chuyển tới từng trường. Đối với các huyện miền núi, sữa được vận chuyển tới điểm trường chính (nếu có đường ô tô vào được), các trường bố trí tiếp nhận và chuyển tới từng điểm trường lẻ (nếu có); trong trường hợp ô tô không vào được điểm trường chính thì sữa được vận chuyển tới Phòng Giáo dục và Đào tạo, sau đó doanh nghiệp cung ứng sữa bố trí phương án chuyển sữa đến điểm trường chính.

- Nhà trường bố trí tiếp nhận, bảo quản sữa tại nơi sạch sẽ, thoáng mát, an toàn và tối đa không quá 2 tuần cho mỗi đợt.

- Công ty sữa được chọn cung ứng sữa cho chương trình sữa học đường của tỉnh có trách nhiệm trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo quản sữa tại các điểm Phòng Giáo dục, điểm trường để bảo quản sữa an toàn đúng quy định; thường xuyên kiểm tra và thế kịp thời khi bị hỏng hóc.

- Nhà trường huy động nhân lực tham gia bốc vác, vận chuyển sữa từ nơi phương tiện vận chuyển đến nơi bảo quản an toàn.

- Hỗ trợ kinh phí vận chuyển tại những điểm ô tô không vào được và kinh phí bốc chuyển sữa (*Doanh nghiệp cung ứng sữa chịu trách nhiệm*).

6. Thực hành cho học sinh uống sữa

- Mỗi học sinh mẫu giáo và tiểu học được uống sữa 03 lần/tuần, trong 35 tuần của năm học, mỗi lần 180 ml hoặc 110 ml, vào các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu với thời gian cố định: Đối với trẻ mẫu giáo và tiểu học bán trú; thời gian uống sữa là từ 14h - 15h; đối với trẻ tiểu học không bán trú, thời gian uống sữa là giờ ra chơi giữa buổi học.

- Hiệu trưởng phân công giáo viên chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn học sinh uống sữa đảm bảo số lượng, số lần, đúng giờ và đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình uống, đồng thời theo dõi, ghi chép kết quả thực hiện của từng ngày để tổng hợp báo cáo. Có thể huy động một số em học sinh gương mẫu, có sức khỏe (đối với các lớp trên của cấp tiểu học) hỗ trợ trong quá trình thực hiện.

- Sữa sử dụng có quy cách đóng hộp theo đúng loại 180ml (dành cho học sinh tiểu học) và loại 110ml (dành cho trẻ mẫu giáo). Giáo viên trước khi phát hộp sữa cho học sinh cần kiểm tra tình trạng hộp bằng cảm quan (còn nguyên dạng, hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng nhà sản xuất..).

7. Phương án xử lý chất thải

- Vỏ hộp được thu gom ngay sau khi sử dụng để tránh thu hút ruồi, kiến và côn trùng khác gây ô nhiễm môi trường mất vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý vỏ hộp như các rác thải hữu cơ thông thường.

- Nhà trường có trách nhiệm thu gom, ký kết hợp đồng với công ty (đơn vị xử lý môi trường) tại địa phương thu gom và xử lý vỏ hộp sữa đúng quy định, không để gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với thùng đựng hộp sữa đã sử dụng, sau khi được xử lý an toàn vệ sinh, các trường mẫu giáo có thể tận dụng để làm đồ chơi, làm các mô hình phục vụ công tác dạy và học cho học sinh.

8. Công tác giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện

- Nhà trường tổ chức bộ phận giám sát, đánh giá việc triển khai thực hành cho học sinh uống sữa tại các lớp học.

- Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức giám sát hàng quý và đột xuất việc triển khai Chương trình tại các huyện, thành phố và các trường học.

- Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã tổ chức giám sát định kỳ hàng tháng và đột xuất tại các trường học, lớp học.

- Trường báo cáo kết quả thực hiện cho Phòng Giáo dục, Phòng Y tế, TTYT huyện, thành phố 2 tuần/lần; Phòng Giáo dục, TTYT các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (Cơ quan thường trực) và Sở Y tế hàng tháng vào trước ngày 10 của tháng tiếp theo. Hàng năm, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh.

Phần thứ Tư
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Chính sách hỗ trợ

1. Cơ chế hỗ trợ học sinh:

Sử dụng ngân sách từ nguồn xã hội hóa, ngân sách nhà nước, vận động sự đóng góp của phụ huynh để tất cả trẻ mẫu giáo và tiểu học trên địa bàn tỉnh đều được uống sữa, cụ thể như sau:

Đối tượng học sinh		Chương trình hỗ trợ	PHHS đóng góp
Diện A	Huyện đồng bằng	85%	15%
	Huyện miền núi	90%	10%
Diện B	Huyện đồng bằng	50%	50%
	Huyện miền núi	55%	45%

Ghi chú:

- *Diện A là trẻ mẫu giáo và tiểu học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành; đối tượng con thương binh, con liệt sỹ, con người có công với cách mạng (xác nhận của địa phương).*

- *Diện B là những trẻ còn lại.*

- *Các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi.*

- *Các huyện miền núi và hải đảo: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Minh Long và Lý Sơn.*

2. Cơ chế hỗ trợ các đối tượng vận hành Chương trình

- Hỗ trợ hợp lý cho giáo viên, nhà trường, phòng giáo dục tham gia thực hiện Chương trình.

- Hỗ trợ vận chuyển các điểm vùng sâu.

- Hỗ trợ bốc dỡ tại các điểm nhận.

- Xây dựng chính sách hợp lý để hỗ trợ doanh nghiệp đóng góp tích cực cho việc triển khai Chương trình.

II. Kinh phí thực hiện (phụ lục 1, 2, 3, 4)

Tổng kinh phí 185.814.005.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ tám trăm mười bốn triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng).

1. Kinh phí mua sữa: 184.130.205.000 đồng (Chi tiết Phụ lục 3,4,5), trong đó:

a) Kinh phí do chương trình hỗ trợ:

- Ngân sách tỉnh cấp 33,75%, tương đương: 62.712.226.690 đồng.

- Doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% trên tổng kinh phí mua sữa, tương đương: 46.032.551.250 đồng (có văn bản thỏa thuận của doanh nghiệp).

b) Nguồn đóng góp của phụ huynh học sinh: 75.994.835.000 đồng, chiếm tỷ lệ trung bình 41,25% trên tổng kinh phí mua sữa, tỷ lệ này thay đổi tùy theo đối tượng, thấp nhất là 10% và cao nhất là 55%, chi tiết số tiền mỗi phụ huynh phải chi trả trong 01 năm:

Đối tượng	Số tiền/người/năm
<i>Trẻ Mẫu giáo</i>	
Học sinh diện A ở các huyện đồng bằng	78.750
Học sinh diện A ở các huyện miền núi, hải đảo	52.500
Học sinh diện B ở các huyện đồng bằng	262.500
Học sinh diện B ở các huyện miền núi, hải đảo	236.250
<i>Học sinh tiểu học</i>	
Học sinh diện A ở các huyện đồng bằng	110.250
Học sinh diện A ở các huyện miền núi, hải đảo	73.500
Học sinh diện B ở các huyện đồng bằng	367.500
Học sinh diện B ở các huyện miền núi, hải đảo	330.750

2. Chi phí hỗ trợ quản lý, thực hiện Chương trình: 1.683.800.000 đồng do ngân sách tỉnh chi trả (Chi tiết Phụ lục 2).

III. Kinh phí theo tiến độ thực hiện:

- Chương trình thí điểm: 6.008.370.000 đồng.

- Chương trình chính thức: 179.805.635.000 đồng:

+ Năm 2019: 89.525.605.000 đồng.

+ Năm 2020: 90.280.030.000 đồng.

Phần thứ Năm

CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Cơ chế quản lý

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án; có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án.

- Giao UBND các huyện, thành phố là đơn vị triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, thị trấn, các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện các hoạt động của đề án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Sở Y tế; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; các sở ngành và các hội, đoàn thể liên quan có trách nhiệm chủ động, tích cực phối hợp triển khai thực hiện đề án; đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động sự đóng góp phụ huynh, của các tổ chức cá nhân; phối hợp tham gia kiểm tra giám sát việc triển khai các hoạt động của Đề án tại các địa phương

II. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan hạm mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh; Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo cấp tỉnh; Tham mưu thành lập Quỹ Sữ học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi; Thành lập Ban Quản lý Quỹ Sữ học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo làm Trưởng Ban; Quy chế hoạt động của Quỹ Sữ học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi;

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện; Xây dựng biểu mẫu thống kê, báo cáo, hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường triển khai chương trình báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và Doanh nghiệp cung cấp sản phẩm triển khai tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, y tế trường học tham gia Chương trình;

- Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông các sở ngành liên quan xây dựng chiến dịch truyền thông đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức; thông qua nhiều kênh

truyền thông, nhằm vận động, kêu gọi sự đồng tình của cộng đồng xã hội, của mỗi gia đình phụ huynh học sinh

- Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường mẫu giáo và tiểu học triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình:

+ Hàng năm phối hợp với chính quyền địa phương, Hội Phụ huynh của nhà trường thông báo cho phụ huynh học sinh thuộc diện A và diện B cung cấp thông tin xác nhận đối tượng tương ứng nộp cho nhà trường vào đầu năm học để thống kê chính xác danh sách thụ hưởng thuộc các diện này.

+ Tổ chức tuyên truyền vận động trực tiếp tại trường học, tại các cuộc họp phụ huynh học sinh;

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng mua sữa với Doanh nghiệp được chọn cung ứng sữa thực hiện chương trình;

+ Tiếp nhận, bảo quản và thực hành cho học sinh uống sữa;

+ Thu kinh phí phần đóng góp từ phụ huynh học sinh, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định;

+ Thống kê, báo cáo kết quả triển khai Chương trình theo quy định;

- Tiếp nhận, quản lý, giám sát, hướng dẫn sử dụng thanh quyết toán phần kinh phí cấp từ ngân sách tỉnh.

- Tổng hợp, thông kê, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế kết quả triển khai Chương trình theo quy định.

2. Sở Y tế:

- Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ban chỉ đạo cấp tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai Chương trình;

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình từ khâu tiếp nhận, bảo quản và thực hành cho học sinh uống sữa nhằm đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, Trung tâm Kiểm nghiệm, thuốc mỹ phẩm, thực phẩm, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh) tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm sữa, các điều kiện bảo quản sữa... Hướng dẫn các điểm tiếp nhận và cấp phát sữa của Chương trình cách kiểm tra giám sát chất lượng sữa, bảo quản sữa bằng phương pháp thông thường.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với ngành giáo dục và Doanh nghiệp cung cấp sản phẩm triển khai tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, y tế trường học tham gia Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cung cấp thông tin, số liệu liên quan để tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương cung cấp số liệu chính xác về các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, chính sách được đề cập đến trong Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế triển khai các hoạt động liên quan thuộc phạm vi Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành tham mưu thành lập "Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi"; vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tài trợ "Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi".

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai công tác tuyên truyền về lợi ích của Chương trình Sữa học đường; thực hiện chiến dịch truyền thông, vận động bằng nhiều hình thức, thông qua nhiều kênh truyền thông, nhằm vận động, kêu gọi sự đồng tình của cộng đồng xã hội, của mỗi gia đình phụ huynh học sinh.

5. Sở Ngoại vụ: Chủ động tranh thủ các mối quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân ngoài nước, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ để kêu gọi sự tài trợ cho Chương trình sữa học đường; hỗ trợ "Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi".

6. Sở Tài chính Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách để triển khai Chương trình.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế các sở, ngành tham mưu thành lập "Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi"; Thành lập Ban Quản lý Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng Quy chế hoạt động của Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi; phối hợp vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tài trợ "Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi".

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh đảm bảo ngân sách để triển khai Chương trình Sữa học đường của tỉnh; vận động các nguồn tài trợ trong nước và ngoài nước để đầu tư cho Chương trình Sữa học đường của tỉnh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Có trách nhiệm ưu tiên kinh phí nhằm nghiên cứu đánh giá hiệu quả cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng, thiếu vi chất sau các giai đoạn triển khai Chương trình.

9. Các Sở, ngành liên quan: tùy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham gia vào các hoạt động liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế các sở, ngành tham mưu thành lập “Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi”; tham gia Ban Quản lý Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi; tham gia xây dựng Quy chế hoạt động của Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi; vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tài trợ “Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi”.

10. Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên: Quyết tâm cao trong việc tổ chức thực hiện Đề án Sữa học đường tại địa phương; đặc biệt tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, vận động để các phụ huynh nâng cao nhận thức và tự giác tham gia Chương trình. Phối hợp với Sở Y tế các sở, ngành tham mưu thành lập “Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi”; vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tài trợ “Quỹ Sữa học đường - Vì Tâm vóc Việt tỉnh Quảng Ngãi”;

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn; Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học cấp huyện, thành phố; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường, thị trấn, các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án.

Báo cáo, đề xuất Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội tích cực tham gia các hoạt động của Đề án Sữa học đường với quyết tâm cao; đặc biệt đẩy mạnh chiến dịch truyền thông vận động kêu gọi sự đồng tình của xã hội; cân đối ngân sách, bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện kế hoạch truyền thông trên địa bàn.

Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình tại địa bàn; Phối hợp với các sở, ngành trong công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện Chương trình tại địa phương.

Phần thứ Sáu

HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

Đề án “Thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020” là nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của thanh thiếu niên Quảng Ngãi trong tương lai. Thực hiện thành công Đề án sẽ mang lại những hiệu quả kinh tế, xã hội như sau:

- Đề án góp phần rất lớn và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng giúp trẻ phát triển toàn diện, đặt nền tảng cho việc học tập của trẻ ở các cấp học tiếp theo. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý là yếu tố quan trọng nhằm hướng tới phát triển toàn diện về tầm vóc, thể chất, trí tuệ của trẻ em hôm nay và của thanh thiếu niên trong tương lai. Trẻ em sẽ không phát triển trí tuệ toàn diện nếu không được cung cấp thực phẩm dinh dưỡng hợp lý. Vì vậy, đầu tư cho trẻ hôm nay để có một thế hệ tương lai phát triển mạnh về thể chất và trí tuệ đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Việc chăm sóc, giáo dục học sinh mầm non mẫu giáo phải được thực hiện với sự phối hợp, chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ trẻ em.

Thực hiện hiện Đề án “Chương trình Sữa học đường cho học sinh mẫu giáo và tiểu học” là thực hiện Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, phù hợp với ưu tiên toàn cầu của UNICEF: Chăm sóc trẻ thơ vì sự sống còn, tăng trưởng và phát triển.....Các hoạt động “Chương trình Sữa học đường” là bước cụ thể hóa việc thực hiện chiến lược và mục tiêu Quốc gia về dinh dưỡng trẻ em; cụ thể hóa Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 18/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 20-CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em từ nay đến năm 2020.

- Thực hiện tốt các nội dung của Đề án sẽ góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ngày càng bền vững; hướng tới mục tiêu xã hội dân chủ, công bằng, văn minh./.

Phụ lục 1. TỔNG HỢP KINH PHÍ
Đề án thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng
góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

TT	Giai đoạn	Tổng kinh phí	Trong đó	
			Chi phí mua sữa	Chi phí quản lý
1	Thí điểm	6.008.370	5.921.370	87.000
-	Kinh phí ngân sách	3.739.341	3.652.341	87000
-	Phụ huynh đóng góp	2.269.029	2.269.029	
2	Năm 2019	89.525.605	88.727.205	798.400
-	Kinh phí ngân sách	52.843.771	52.045.371	798400
-	Phụ huynh đóng góp	36.681.834	36.681.834	
3	Năm 2020	90.280.030	89.481.630	798.400
-	Kinh phí ngân sách	53.286.057	52.487.657	798400
-	Phụ huynh đóng góp	36.993.973	36.993.973	
	Tổng kinh phí	185.814.005	184.130.205	1.683.800

Phụ lục 2. KINH PHÍ HỖ TRỢ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH
Đề án thực hiện Chương trình Sıra học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp
phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Thời gian	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
1	Chương trình thí điểm (Năm 2018)				87.000
-	Chi phí hỗ trợ giáo viên tham gia (1 giáo viên/lớp)	Lớp	700	100	70.000
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại trường (hiệu trưởng, kế toán và giáo viên phụ trách dinh dưỡng/Tổng phụ trách Đội)	Trường	52	300	15.600
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại phòng Giáo dục	Phòng	14	100	1.400
					798.400
2	Năm 2019				
-	Chi phí hỗ trợ giáo viên tham gia (1 giáo viên/lớp)	Lớp	2.640	200	528.000
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại trường (hiệu trưởng, kế toán và giáo viên phụ trách dinh dưỡng/Tổng phụ trách Đội)	Trường	446	600	267.600
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại phòng Giáo dục	Phòng	14	200	2.800
					798.400
3	Năm 2020				
-	Chi phí hỗ trợ giáo viên tham gia (1 giáo viên/lớp)	Lớp	2.640	200	528.000
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại trường (hiệu trưởng, kế toán và giáo viên phụ trách dinh dưỡng/Tổng phụ trách Đội)	Trường	446	600	267.600
-	Chi phí hỗ trợ quản lý tại phòng Giáo dục	Phòng	14	200	2.800
	Tổng cộng				1.683.800

Phụ lục 3. KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH MUA SẢN PHẨM SỮA

án thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

ĐVT: 1.000 đồng

Thời gian	Tổng số học sinh	Tổng số sữa	Tổng chi phí sữa	Học sinh Diện A ở các huyện miền núi, hải đảo		Học sinh Diện B ở các huyện đồng bằng		Học sinh Diện B ở các huyện miền núi, hải đảo		Tổng chi phí hỗ trợ sản phẩm sữa		
				Số học sinh	Chương trình hỗ trợ 85%	Số học sinh	Chương trình hỗ trợ 50%	Số học sinh	Chương trình hỗ trợ 55%			
Thí điểm (2018)	17.765	959.310	5.921.370	1.491	429.027	3.438	1.055.398	10.072	1.662.660	2.764	505.256	3.652.341
Trẻ mẫu giáo	7.350	396.900	1.984.500	545	125.078	1.175	285.525	4.462	602.370	1.168	173.448	1.186.421
Trẻ tiểu học	10.415	562.410	3.936.870	946	303.950	2.263	769.873	5.610	1.060.290	1.596	331.808	2.465.921
Năm 2019	129.715	13.620.075	88.727.205	6.277	3.728.062	21.247	12.361.073	82.734	28.774.620	19.457	7.181.617	52.045.371
Trẻ mẫu giáo	31.492	3.306.660	16.533.300	1.084	483.735	8.962	4.234.545	15.525	4.075.313	5.921	1.709.689	10.503.281
Trẻ tiểu học	98.223	10.313.415	72.193.905	5.193	3.244.327	12.285	8.126.528	67.209	24.699.308	13.536	5.471.928	41.542.090
Năm 2020	130.818	13.735.890	89.481.630	6.330	3.759.567	21.427	12.465.779	83.438	29.019.480	19.623	7.242.832	52.487.657
Trẻ mẫu giáo	31.760	3.334.800	16.674.000	1.093	487.751	9.038	4.270.455	15.657	4.109.963	5.972	1.724.415	10.592.584
Trẻ tiểu học	99.058	10.401.090	72.807.630	5.237	3.271.816	12.389	8.195.324	67.781	24.909.518	13.651	5.518.417	41.895.074
Tổng chung			184.130.205	14.098	7.916.656	46.112	25.882.249	176.244	59.456.760	41.844	14.929.705	108.185.370

Ghi chú: Thời gian thi điểm: 18 tuần (tương ứng với học kỳ I năm học 2018-2019)

Phụ lục 4. KINH PHÍ CÙNG ĐÓNG GÓP CỦA PHỤ HUYNH MUA SẢN PHẨM SỮA

để án thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tâm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

Thời gian	Tổng số học sinh	Tổng số sữa	Tổng chi phí sữa	Học sinh Diện A ở các huyện đồng bằng		Học sinh Diện A ở các huyện miền núi, hải đảo		Học sinh Diện B ở các huyện đồng bằng		Học sinh Diện B ở các huyện miền núi, hải đảo		Tổng chi phí đóng góp
				Số học sinh	Đóng góp 15%	Số học sinh	Đóng góp 10%	Số học sinh	Đóng góp 50%	Số học sinh	Đóng góp 45%	
Thí điểm (2018)	17.765	959.310	5.921.370	1.491	75.711	3.438	117.266	10.072	1.662.660	2.764	413.392	2.269.029
Trẻ mẫu giáo	7.350	396.900	1.984.500	545	22.073	1.175	31.725	4.462	602.370	1.168	141.912	798.080
Học sinh tiểu học	10.415	562.410	3.936.870	946	53.638	2.263	85.541	5.610	1.060.290	1.596	271.480	1.470.949
Năm 2019	129.715	13.620.075	88.727.205	6.277	657.893	21.247	1.373.453	82.734	28.774.620	19.457	5.875.868	36.681.834
Trẻ mẫu giáo	31.492	3.306.660	16.533.300	1.084	85.365	8.962	470.505	15.525	4.075.313	5.921	1.398.836	6.030.019
Học sinh tiểu học	98.223	10.313.415	72.193.905	5.193	572.528	12.285	902.948	67.209	24.699.308	13.536	4.477.032	30.651.815
Năm 2020	130.818	13.735.890	89.481.630	6.330	663.453	21.427	1.385.087	83.438	29.019.480	19.623	5.925.953	36.993.973
Trẻ mẫu giáo	31.760	3.334.800	16.674.000	1.093	86.074	9.038	474.495	15.657	4.109.963	5.972	1.410.885	6.081.416
Học sinh tiểu học	99.058	10.401.090	72.807.630	5.237	577.379	12.389	910.592	67.781	24.909.518	13.651	4.515.068	30.912.557
Tổng cộng			184.130.205	14.098	1.397.057	46.112	2.875.805	176.244	59.456.760	41.844	12.215.213	75.944.835

Kinh phí đóng góp trung bình/ học sinh/năm:

Trẻ Mẫu giáo

Học sinh Diện A ở các huyện đồng bằng

Học sinh Diện A ở các huyện miền núi, hải đảo

Học sinh Diện B ở các huyện đồng bằng

Học sinh Diện B ở các huyện miền núi, hải đảo

Học sinh tiểu học

Học sinh Diện A ở các huyện đ

Học sinh Diện A ở các huyện n

Học sinh Diện B ở các huyện đ

Học sinh Diện B ở các huyện n

Phụ lục 5. DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM
Đề án thực hiện Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng
góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

STT	Tên trường	Địa chỉ
Trường Mẫu giáo/Mầm non		
1	Trường Mầm non Quảng Phú	Phường Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi
2	Trường Mầm non Tịnh Hòa	Xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi
3	Trường Mầm non Nghĩa Hà	Xã Nghĩa Hà, TP. Quảng Ngãi
4	Trường Mẫu giáo Bình Minh	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
5	Trường Mẫu giáo Bình An	Xã Bình An, huyện Bình Sơn
6	Trường Mẫu giáo Bình Châu	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn
7	Trường Mầm non Tịnh Hiệp	Xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh
8	Trường Mầm non Nghĩa Kỳ	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa
9	Trường Mầm non Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa
10	Trường Mầm non Nghĩa Thuận	Xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa
11	Trường Mầm non Đức Lợi	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức
12	Trường Mầm non Đức Thắng	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
13	Trường Mầm non Đức Hiệp	Xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức
14	Trường Mầm non Phổ Ninh	Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ
15	Trường Mầm non Phổ Thuận	Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ
16	Trường Mầm non Phổ Cường	Xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ
17	Trường Mầm non Hành Trung	Xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành

STT	Tên trường	Địa chỉ
18	Trường Mầm non Ba Xa	Xã Ba Xa, huyện Ba Tơ
19	Trường Mầm non Ba Ngạc	Xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ
20	Trường Mầm non Ba Vinh	Xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ
21	Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ	Xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà
22	Trường Mầm non Hoa Pơ - Niêng	Xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây
23	Trường Mẫu Giáo Trà Phong	Xã Trà Phong, huyện Tây Trà
24	Trường Mầm non Trà Thủy	Xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng
25	Trường Mẫu giáo Long Mai	Xã Long Mai, huyện Minh Long
26	Trường Mầm non An Hải	Xã An Hải, huyện Lý Sơn
Trường Tiểu học		
27	Trường Tiểu học số 1 Tịnh Hòa	Xã Tịnh Hòa, TP. Quảng Ngãi
28	Trường Tiểu học Nghĩa Phú	Xã Nghĩa Phú, TP. Quảng Ngãi
29	Trường Tiểu học Nghĩa Đông	Xã Nghĩa Đông, TP. Quảng Ngãi
30	Trường Tiểu học Tịnh Đông	Xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh
31	Trường Tiểu học số 2 Bình Minh	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn
32	Trường Tiểu học số 1 Bình Châu	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn
33	Trường Tiểu học số 2 Bình Châu	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn
34	Trường Tiểu học Nghĩa Thọ	Xã Nghĩa Thọ, huyện Tư Nghĩa
35	Trường Tiểu học Nghĩa Sơn	Xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa
36	Trường Tiểu học Nghĩa Lâm	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa
37	Trường Tiểu học Đức Phong	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức

STT	Tên trường	Địa chỉ
38	Trường Tiểu học Đức Thắng	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức
39	Trường Tiểu học Đức Minh	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức
40	Trường Tiểu học số 1 Phổ Khánh	Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ
41	Trường Tiểu học Phổ An	Xã Phổ An, huyện Đức Phổ
42	Trường Tiểu học thị trấn Đức Phổ	Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ
43	Trường Tiểu học Hành Dũng	Xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành
44	Trường Tiểu học Ba Xa	Xã Ba Xa, huyện Ba Tơ
45	Trường Tiểu học Ba Ngạc	Xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ
46	Trường Tiểu học Ba Vinh	Xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ
47	Trường Tiểu học Sơn Kỳ	Xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà
48	Trường Tiểu học Sơn Mùa	Xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây
49	Trường Tiểu học Trà Quân	Xã Trà Quân, huyện Tây Trà
50	Trường Tiểu học số 1 Trà Sơn	Xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng
51	Trường Tiểu học Long Hiệp	Xã Long Hiệp, huyện Minh Long
52	Trường Tiểu học số 1 An Vĩnh	Xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn

Phụ lục 6. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020

I. Mục tiêu truyền thông

- Tuyên truyền về Chương trình Sữa học đường tới các công chúng, cộng đồng và các đối tượng liên quan đến chương trình nhằm tạo sự ủng hộ của cộng đồng.
- Tuyên truyền sâu rộng tới các nhà trường, cha mẹ học sinh để tạo sự đồng thuận của các đối tượng tham gia Chương trình Sữa học đường.

II. Đối tượng truyền thông

Bao gồm những đối tượng chính sau:

- Công chúng;
- Chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;
- Hệ thống giáo dục (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường mẫu giáo, tiểu học);
- Cha mẹ học sinh.

III. Nội dung truyền thông

Thông điệp chính: Sữa học đường hôm nay, thế hệ vàng ngày mai

IV. Các kênh truyền thông

- Hệ thống truyền hình: Đài Truyền hình Quảng Ngãi: Phát Tv trailer;
- Hệ thống phát thanh: Đài Phát thanh Quảng Ngãi, Đài phát thanh các huyện, thành phố, đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn;
- Hệ thống công thông tin điện tử của tỉnh, website của các huyện, của Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các phòng GD&ĐT;
- Hệ thống báo chí địa phương (Báo Quảng Ngãi, các Báo có văn phòng đại diện và địa chỉ thường trú tại địa bàn);
- Hệ thống quảng cáo ngoài trời;
- Pano về Chương trình trước các cổng trường (bảng tin) + trang web của trường, xã;
- Hội thảo, tập huấn triển khai chương trình Sữa học đường cấp phòng giáo dục và đào tạo, cấp trường: Hội thảo đào tạo cán bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Y tế, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và các nhân sự liên quan tới sữa học đường tại các trường mẫu giáo, tiểu học trên địa bàn về nội dung Chương trình, cách thức triển khai;

- Thông báo gửi phụ huynh học sinh;
- Truyền thông trong các cuộc họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh và họp phụ huynh đầu năm;
- Tờ rơi, các tài liệu hướng dẫn khác.

V. Số lượng dự kiến trong năm học 2017 – 2018

1. Trailer trên đài truyền hình: 270 lần quảng cáo trên Đài TH Quảng Ngãi vào khung giờ vàng;

2. Radio Clip tuyên truyền trong hệ thống đài phát thanh của tỉnh, huyện, xã/mỗi ngày 1 lần;

3. Trên 90 tin bài về chương trình trên hệ thống báo chí bao gồm báo mạng và báo giấy;

4. Lắp đặt 15 cụm Pano tuyên truyền về chương trình Sữa học đường tại trung tâm 14 huyện, thành phố; riêng tại thành phố Quảng Ngãi lắp đặt tại các điểm thuộc đầu thành phố và cuối thành phố;

5. Hệ thống biển, băng rôn tuyên truyền tại các điểm trường, dự kiến 445 trường;

6. Các chương trình tập huấn, đào tạo bao gồm:

- **Tập huấn cho cán bộ chuyên trách:** Tổ chức 2 lớp tập huấn (nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình; nâng cao kỹ năng truyền thông, vận động; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Sữa học đường) cho 14 Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Y tế phụ trách triển khai Chương trình tại các huyện, thành phố;

- **Tập huấn nhà trường, giáo viên mẫu giáo, tiểu học:** Tổ chức 14 lớp tập huấn cho giáo viên tại các trường mẫu giáo và tiểu học tại 14 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh về các nội dung liên quan đến Sữa học đường (dự kiến mỗi trường có 4 đại diện tham dự gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán, giáo viên phụ trách dinh dưỡng hoặc Tổng phụ trách đội);

- **Hội thảo/cuộc họp triển khai nâng cao nhận thức cho hệ thống chính quyền, đoàn thể** thông qua các cuộc họp Đảng, đoàn thể và chuyên môn về tầm quan trọng của Sữa học đường trong việc phòng, chống suy dinh dưỡng, cải thiện tâm vóc, phát triển trí tuệ thế hệ tương lai của Quảng Ngãi;

7. Họp phụ huynh:

a) Họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh thống nhất chủ trương, cách thức thực hiện huy động sự tham gia của phụ huynh;

b) Họp Hội phụ huynh: Phối hợp với nhà trường lồng ghép tuyên truyền Đề án trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm; kêu gọi sự tham gia tự nguyện, hỗ trợ triển khai và giám sát đề án.

8. Tờ rơi và các ấn phẩm truyền thông: 1.000.000 tờ rơi và các ấn phẩm khác.

V. Số lượng dự kiến trong các năm 2018 - 2020

1. Trailer trên đài truyền hình: 135 lần/năm quảng cáo trên Đài TH Quảng Ngãi vào khung giờ vàng;

2. Radio Clip tuyên truyền trong hệ thống đài phát thanh của tỉnh, huyện, xã, 3 ngày/lần;

3. Trên 45 tin bài về chương trình trên hệ thống báo chí bao gồm báo mạng và báo giấy;

4. Hệ thống biển, băng rôn tuyên truyền tại các điểm trường, dự kiến 445 trường;

5. Hội thảo/cuộc họp triển khai nâng cao nhận thức cho hệ thống chính quyền, đoàn thể thông qua các cuộc họp Đảng, đoàn thể và chuyên môn về tầm quan trọng của Sửa học đường trong việc phòng, chống suy dinh dưỡng, cải thiện tâm vóc, phát triển trí tuệ thế hệ tương lai của Quảng Ngãi;

6. Hội phụ huynh:

a) Hội Ban Đại diện cha mẹ học sinh thống nhất chủ trương, cách thức thực hiện huy động sự tham gia của phụ huynh;

b) Hội Hội phụ huynh: Phối hợp với nhà trường lồng ghép tuyên truyền Đề án trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm; kêu gọi sự tham gia tự nguyện, hỗ trợ triển khai và giám sát đề án.

7. Tờ rơi và các ấn phẩm truyền thông: 500.000 tờ rơi và các ấn phẩm khác.

VI. Triển khai thực hiện

1. Truyền thông trên báo đài

Phối hợp trực tiếp với các cơ quan báo chí trên địa bàn để chỉ đạo xây dựng nội dung phù hợp với từng đối tượng tiếp cận (các cơ quan truyền thông chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch nội dung này).

2. Tập huấn về các nội dung của Chương trình Sửa học đường

a) Tập huấn, đào tạo cán bộ chuyên trách cấp phòng:

- Thành phần tham gia: Phòng Giáo dục và Đào tạo: Trưởng phòng, Phó phòng, cán bộ phụ trách mẫu giáo, cán bộ phụ trách tiểu học + Trưởng, Phó phòng Y tế.

- Quy mô: 40 - 42 người/lớp

- Số lượng lớp dự kiến: 6 người/huyện x 14 huyện/thành phố = 84 người = 02 lớp tập huấn.

b) Tập huấn nhà trường, giáo viên mẫu giáo, tiểu học:

- Thành phần tham gia: Cán bộ chủ chốt: Hiệu trưởng, Hiệu phó, kế toán, giáo viên về dinh dưỡng (mẫu giáo) hoặc Tổng phụ trách đội (tiểu học).

- Quy mô: 125 người/lớp.

- Số lượng dự kiến gồm: 446 trường x 4 người = 1.784 người = 14 lớp tập huấn.

- Địa điểm: Hội trường Phòng GD&ĐT, UBND huyện (tập huấn theo cụm trường nếu khoảng cách quá xa)

c) Nội dung tập huấn cụ thể:

- Giới thiệu về Chương trình Sữa học đường tỉnh Quảng Ngãi, lợi ích của Chương trình với từng đối tượng (học sinh, phụ huynh, nhà trường và tỉnh nhà);

- Giới thiệu về loại sữa tươi học đường sử dụng trong chương trình và quy trình sản xuất.

- Các hoạt động triển khai chuyên môn:

+ Phân công tổ chức, nhiệm vụ của từng thành viên.

+ Khảo sát, lập kế hoạch, báo cáo.

+ Các hoạt động so sánh, đối chiếu.

+ Các hoạt động hướng dẫn uống sữa tại trường.

+ Các hoạt động giao nhận, lưu kho, bảo quản hàng hóa.

+ Các hoạt động liên quan tới tài chính, thu chi.

+ Quản lý sự cố phát sinh.

+ Sổ sách, biểu mẫu.

+ Kiểm tra, giám sát.

VII. KINH PHÍ TRUYỀN THÔNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Hạng mục	Kinh phí 2018	Kinh phí 2019	Kinh phí 2020
Hoạt động quảng cáo, truyền thông trên Đài Truyền hình Quảng Ngãi	810.000	405.000	405.000
Hoạt động hỗ trợ truyền thông trên Đài phát thanh	200.000	100.000	100.000
Hoạt động hỗ trợ truyền thông trên các Báo	150.000	75.000	75.000

Các hoạt động hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hội thảo	250.000	75.000	75.000
Tờ rơi và các tài liệu hướng dẫn Chương trình Sửa học đường	500.000	250.000	250.000
Chi phí sản xuất quảng cáo ngoài trời: Hệ thống biển bảng, băng rôn...	250.000	100.000	100.000
Các chi phí dự phòng khác	100.000	100.000	100.000
Tổng chi phí theo từng năm học	2.260.000	1.105.000	1.105.000
Tổng chi phí		4.470.000	

(Bảng chữ: Bốn tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng)

Nguồn kinh phí này do doanh nghiệp cung ứng sửa chữa chịu trách nhiệm.